

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 27 – 9 – 2022

V/v: *Kiến xin ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thu

Ông Hoàng Văn Tiến

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/7/2022 về việc “*Kiến xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn L, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn TS, xã ĐN, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn TS, xã ĐN, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/7/2022, được bổ sung tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Đặng Văn L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Trương Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2010 tại UBND xã MH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất

đồng quan điểm hay cãi vã, không có tiếng nói chung mặc dù đã có thời gian khắc phục. Tính đến thời điểm hiện nay anh và chị Trương Thị T không còn quan tâm gì đến nhau nữa, anh chị đã ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, nên những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng không giải quyết và khắc phục được. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn với chị Trương Thị T, mong Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ con chung*: Anh L trình bày quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung: Cháu Đặng Nhật M, sinh ngày: 26/4/2011 và Đặng Anh T1, sinh ngày: 21/4/2015. Hiện nay hai con đang sống với mẹ, nguyện vọng sau khi ly hôn anh Luận đồng ý giao hai con Nhật M và Anh T1 cho mẹ là Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con xin được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Anh có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Anh L trình bày quá trình chung sống anh và chị T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai; đơn trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trương Thị T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Đặng Văn L quá trình tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2010 tại UBND xã MH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như cãi vã, xỉ nhục. Vợ chồng đã có thời gian khắc phục nhưng không được. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh L làm đơn xin ly hôn thì chị mong muốn để một thời gian xem có khắc phục được mâu thuẫn không, chị xin được đoàn tụ, nếu anh L cương quyết xin ly hôn thì chị cũng đồng ý. Tại đơn trình bày ngày 26/8/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt chị T trình bày: Chị nhất trí ly hôn với anh Đặng Văn L vì tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau.

- *Về quan hệ con chung*: Chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung: Cháu Đặng Nhật M, sinh ngày: 26/4/2011 và Đặng Anh T1, sinh ngày: 21/4/2015. Hiện nay hai con đang sống với mẹ, nguyện vọng sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Nhật M và Anh T1 cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con xin được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Anh L có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị T trình bày quá trình chung sống chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Anh L, chị T có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai. Vào ngày 29 tháng 8 năm 2022, chị T đã gửi đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và các phiên xét xử vì lý do hiện nay chị bận công việc đi làm xa, hoàn cảnh khó khăn, xa xôi, các con của chị vào năm học mới nên chị không thể trực tiếp tham gia các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được vì vắng mặt của bị đơn. Anh L cũng trình bày ý kiến do chị T vắng mặt vì điều kiện đi lại khó khăn, công việc bận rộn anh cũng không muốn hòa giải các lần tiếp theo, anh vẫn giữ nguyên ý kiến như bản tự khai.

Tòa án đã lập biên bản hoãn phiên hòa giải và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự nhằm đảm bảo quyền được biết việc Tòa án giải quyết ly hôn và quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Đặng Văn L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn chị Trương Thị T có địa chỉ cư trú: Thôn TS, xã ĐN, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Đặng Văn L là nguyên đơn và chị Trương Thị T là bị đơn; anh chị đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đặng Văn L và chị Trương Thị T đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2010 tại UBND xã MH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 09, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn,

tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng tăng, thường xuyên cãi vã, sỉ nhục nhau. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn càng thêm trầm trọng, hai bên anh chị đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện cũng không thể giải quyết được. Anh L, chị T đều trình bày anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa, đời sống chung của hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh L làm đơn xin ly hôn chị T cũng nhất trí. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Đặng Văn L được ly hôn với chị Trương Thị T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về nuôi con chung:

Anh Đặng Văn L và chị Trương Thị T cùng khai có 02 con chung: Cháu Đặng Nhật M, sinh ngày: 26/4/2011 và Đặng Anh T1, sinh ngày: 21/4/2015, hiện nay các cháu được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân do mâu thuẫn, con chung sống chung với chị T và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mẹ đối với con; đồng thời hai cháu Nhật M và anh T1 cũng có bản trình bày nguyện vọng muốn sống chung với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Mặt khác, tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh L cũng nhất trí giao con chung cháu Nhật M và cháu Anh T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đặng Nhật M và Đặng Anh T1 sau khi ly hôn; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhật M, cháu Anh T1 muốn được ở với mẹ Tiên; anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Nhật M, cháu Anh T1 tròn 18 tuổi theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đặng Văn L và chị Trương Thị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về chia tài sản chung và nợ chung:

Anh L, chị T đều thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[3.4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đặng Văn L phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 31AA/2021/0001231 ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Đặng Văn L phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn L được ly hôn chị Trương Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung: Cháu Đặng Nhật M, sinh ngày: 26/4/2011 và Đặng Anh T1, sinh ngày: 21/4/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhật M và cháu Anh T1 xin được ở với mẹ T. Anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đặng Nhật M, cháu Đặng Anh T1 mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đặng Văn L phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 31AA/2021/0001231 ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Đặng Văn L phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

